

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 300/2024/DS-PT

Ngày 30 - 10 - 2024

V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung theo phần”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2024/DS - PT ngày 07/10/2024 về việc: “Tranh chấp chia tài sản chung theo phần”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm: 24/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 259/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L – Sinh năm 1992;

Địa chỉ: B L, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V – Sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M – Sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Thửa đất số 7341, tờ bản đồ số 26 tại buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có diện tích đất 11.012 m² có nguồn gốc trước đây là do bố tôi (ông Nguyễn Văn M1) bán hai thửa đất ở thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của bố tôi (ông Nguyễn Văn M1 và mẹ tôi bà Nguyễn Thị Kim L1) bán để lấy tiền cho ông M1 mua thửa đất trên, do đó vào khoảng năm 2009 đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất là ông Nguyễn Văn M1. Đến ngày 20/10/2022 cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất mới có tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị V.

Sau khi bố tôi chết (ngày 30/3/2023), mai táng xong thì gia đình đã họp lại thống nhất diện tích đất nêu trên và tài sản gắn liền đều để thừa kế cho tôi và bà Nguyễn Thị V, được Công chứng tại Văn phòng công chứng huyện C và làm các thủ tục chuyển QSD đất theo quy định của pháp luật và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C chỉnh lý biến động ngày 04/12/2023 đứng tên tôi (Nguyễn Thị Thuỳ L và bà Nguyễn Thị V). Hiện thửa đất nêu trên do bà Nguyễn Thị V đang quản lý sử dụng, canh tác trồng cây công nghiệp là cà phê và tiêu đang cho thu hoạch sản phẩm. Hiện bà Nguyễn Thị V đang giữ giấy chứng nhận QSD đất có hứa sau khi sang tên xong sẽ tách sổ ra cho tôi diện tích đất là 5.506m², nhưng khi tôi yêu cầu tách sổ và chia đất thì bà Nguyễn Thị V không chịu và dấu giấy chứng nhận QSD đất không chịu đi tách đất cho tôi.

Nay nhận thấy hai bên không thể đạt được thỏa thuận với nhau, để đảm bảo quyền lợi cho tôi nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin buộc bà Nguyễn Thị V giao lại diện tích đất 5.506 m² thuộc thửa đất số 7341, tờ bản đồ số 26 xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho tôi quản lý, sử dụng.

Bị đơn trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 7341, tờ bản đồ số 26 có diện tích 11.012m² tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng trồng cây lâu năm thời hạn sử dụng đến năm 2043. Trước đây vào ngày 09/02/2009 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông Nguyễn Văn M1 và bà Nguyễn Thị V đứng tên,

đến ngày 30/3/2023 ông Nguyễn Văn M1 (tức là chồng bà V đã chết). Sau khi ông M1 chết, theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 18/10/2023 các thành viên trong gia đình tự nguyện thỏa thuận phân chia di sản của ông Nguyễn Văn M1 để lại thừa kế. Phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M1 để lại được chia thành 06 phần, cho 06 người là bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Nguyễn Hiệp H1, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Hiệp H2. Tuy nhiên: ông H, ông H1, bà T và ông H2, cũng có chung nguyện vọng không nhận phần thừa kế di sản, mà tặng cho lại bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Thùy L. Bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Thùy L, đồng ý và nhất trí ý kiến của mọi người.

Nay bà Nguyễn Thị Thùy L làm đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung theo phần, thì bà Nguyễn Thị V nhất trí kết quả văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, chia phần di sản của ông M1 là 5.506m² chia làm 06 phần, nhưng 04 người không nhận thừa kế nên chia đôi cho bà Nguyễn Thị Thùy L và bà Nguyễn Thị V mỗi người được ½ là 2.753m².

Còn giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà V và bà L không có nghĩa là mỗi người được hưởng ½ mà trong đó phần của bà V là 5.056m² + 2.753m², còn bà Nguyễn Thị Thùy L chỉ có 2.753m² là phần thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn M1. Nguyện vọng của bà V được nhận phần có túp lều và có giếng, xin được thu hoạch hoa màu, lợi tức trên vườn cây của năm 2024, bởi vì bà V và bà T (tức là con gái bà V) chăm sóc làm cỏ, làm canh, tưới tắm, bón phân vườn cây từ đầu năm đến nay.

Tại Bản án sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 207, 208, 210, 218, 219 Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L.

1. Giao cho bà Nguyễn Thị Thùy L được quyền quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 7341, tờ bản đồ số 26 của xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 5.506 m², tứ cận cụ thể như sau:

Cạnh phía Đông giáp đường đất cạnh dài 53,44 mét

Cạnh phía Tây giáp đường đất tự mở cạnh dài 50,45 mét

Cạnh phía Bắc giáp đất ông N + đất ông Ma V1 cạnh dài 121,26 mét

Cạnh phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị V được chia cạnh dài 99,9 mét

Và được sở hữu các tài sản gắn liền trên đất gồm có: 01 căn nhà (chòi) xây cấp 4, mái lợp tôn, tường không tô, nền láng xi măng có diện tích bao chiếm 35m², 01 cái giếng đường kính 1,2m, sâu 16 m (không có nước); 680 cây cà phê trồng năm 2000; 476 cây tiêu; 233 trụ muông; 95 trụ keo và một số cây trồng khác trồng rải rác như bơ, sầu riêng, chanh, chuối Tổng giá trị là 610.000.000 đồng (*sáu trăm mười triệu đồng*).

Bà Nguyễn Thị Thùy L có trách nhiệm bù chênh lệch giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị V số tiền 5.000.000 đồng theo thỏa thuận.

2. Giao cho bà Nguyễn Thị V được quyền quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 7341, tờ bản đồ số 26 của xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 5.506 m², tứ cận cụ thể như sau:

Cạnh phía Đông giáp đường đất cạnh dài 53,44 mét

Cạnh phía Tây giáp đường đất tự mở cạnh dài 50,45 mét

Cạnh phía Bắc giáp đất bà L được chia cạnh dài 121,26 mét

Cạnh phía Nam giáp đường đất cạnh dài 99,9 mét

Và được sở hữu các tài sản gắn liền trên đất gồm có: 680 cây cà phê trồng năm 2000; 476 cây tiêu; 233 trụ muông; 95 trụ keo và một số cây trồng khác trồng rải rác như bơ, sầu riêng, chanh, chuối ... Tổng giá trị là 605.000.000 đồng (*sáu trăm lẻ năm triệu đồng*)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và án phí, tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị V kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng như thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M1 (tức chỉ chia phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M1); đề nghị cho bà V được sử dụng phần đất có túp lều và giếng. Đồng thời, đề nghị cho bà V được thu hoạch hoa màu, lợi tích trên thửa đất số 7341, tờ bản đồ số 26.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn

giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng như thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M1 (tức chỉ chia phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M1) và không đồng ý chia toàn bộ thừa đất số 7341, tờ bản đồ số 26 như nội dung án sơ thẩm, HĐXX xét thấy: Tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được công chứng tại phòng C ngày 18/10/2023, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn M1 (trong đó có bà Nguyễn Thị Thùy L và bà Nguyễn Thị V) đã thống nhất phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M1 và hợp nhất khối di sản thừa kế và tài sản đương nhiên thuộc về mình có nội dung như sau: *“Bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Thùy L đồng ý với ý kiến của mọi người, hai bà hợp nhất giá trị phần tài sản được tặng cho, phần di sản được hưởng thừa kế với phần tài sản đương nhiên thuộc về mình trong khối tài sản nêu trên do bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Thùy L đứng tên đồng sử dụng, sở hữu”* và nội dung: *“Bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị Thùy L được nhận toàn bộ quyền sử dụng thừa đất số: 927341, tờ bản đồ số 26, diện*

tích 11012 m²; địa chỉ thửa đất: Xã E, huyện C, Đắk Lắk; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: 2043; nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.” (bút lục số 56,57, 58). Sau khi thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như Văn bản thỏa thuận phân chia di sản nêu trên thì các đương sự đã tiến hành thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C chỉnh lý biên động ngày 04/12/2023 chứng nhận bà Nguyễn Thị Thùy L và bà Nguyễn Thị V cùng quản lý, sử dụng diện tích đất 11.012 m² và sở hữu các tài sản gắn liền trên đất. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận hiện nay bà V đang quản lý, sử dụng thửa đất cũng như cất giữ GCN QSD đất đối với thửa đất nêu trên. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Như vậy, yêu cầu kháng cáo của bà V là không có căn cứ để xem xét.

[2.2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị V về nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm cho bà V được thu hoạch hoa màu, lợi tức trên vườn vây đối với thửa đất số 7341, tờ bản đồ số 26 mùa vụ năm 2024 và cho bà V được quyền sử dụng phần đất có túp lều và giếng nước, HĐXX thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và Nguyễn Thị Thùy L không đồng ý với ý kiến của bà V. Hơn nữa, tại biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản đang tranh chấp ngày 27/5/2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin (bút lục số 58) nguyên đơn nêu ra ý kiến của mình và bị đơn đồng ý và hai bên đã thỏa thuận những nội dung như sau: “Đối với cây trồng trên đất: Trên thửa đất có 1360 cây cà phê; 952 cây tiêu; 285 cây gòn cho tiêu leo; 467 trụ muồng cho tiêu leo; 191 trụ keo cho tiêu leo và một số loại cây khác. Các loại cây trên trồng rải rác không theo quy hoạch do đó tôi đề nghị sau khi Tòa án giải quyết phân chia theo phần thửa đất trên thì cây nào nằm trên phần đất của ai thì người đó được hưởng, không tính giá trị cây trồng.

Đối với công trình trên đất: Trên đất có 01 giếng đào đường kính 1,2 m sâu 16 m, được đào năm 2000 hiện nay đã cạn nước, không còn giá trị và 01 nhà chòi xây dựng năm 2009, kết cấu mái lợp tôn, tường xây gạch không tô trát, nền láng xi măng diện tích 35 m² hiện giá trị khoảng 5.000.000 đồng. Đối với 02 công trình này, sau khi Tòa án giải quyết phân chia theo phần với thửa đất thì công trình nằm trên phần đất của ai thì người đó hưởng và có trách nhiệm bù chênh lệch giá trị của 02 công trình trên là 5.000.000đ cho người còn lại.”. Như vậy, cấp sơ thẩm chia cho bà L được hưởng phần đất có giếng nước và nhà chòi, đồng thời buộc bà L phải bù chênh

lệch cho bà V theo như thỏa thuận nêu trên là đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V và phù hợp với nội dung thỏa thuận của các bên. Do đó, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà V.

[3]. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L.

[2.1]. Giao cho bà Nguyễn Thị Thùy L được quyền quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 7341, tờ bản đồ số 26 của xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 5.506 m², tứ cận cụ thể như sau:

Cạnh phía Đông giáp đường đất cạnh dài 53,44 mét

Cạnh phía Tây giáp đường đất tự mở cạnh dài 50,45 mét

Cạnh phía Bắc giáp đất ông N + đất ông Ma V1 cạnh dài 121,26 mét

Cạnh phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị V được chia cạnh dài 99,9 mét

Và được sở hữu các tài sản gắn liền trên đất gồm có: 01 căn nhà (chòi) xây cấp 4, mái lợp tôn, tường không tô, nền láng xi măng có diện tích bao chiếm 35m², 01 cái giếng đường kính 1,2m, sâu 16 m (không có nước); 680 cây cà phê trồng năm 2000; 476 cây tiêu; 233 trụ muồng; 95 trụ keo và một số cây trồng khác trồng rải rác như

bơ, sầu riêng, chanh, chuối Tổng giá trị là 610.000.000 đồng (*sáu trăm mười triệu đồng*).

Bà Nguyễn Thị Thùy L có trách nhiệm bù chênh lệch giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị V số tiền 5.000.000 đồng theo thỏa thuận.

[2.2]. Giao cho bà Nguyễn Thị V được quyền quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 7341, tờ bản đồ số 26 của xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 5.506 m², tứ cận cụ thể như sau:

Cạnh phía Đông giáp đường đất cạnh dài 53,44 mét

Cạnh phía Tây giáp đường đất tự mở cạnh dài 50,45 mét

Cạnh phía Bắc giáp đất bà L được chia cạnh dài 121,26 mét

Cạnh phía Nam giáp đường đất cạnh dài 99,9 mét

Và được sở hữu các tài sản gắn liền trên đất gồm có: 680 cây cà phê trồng năm 2000; 476 cây tiêu; 233 trụ muông; 95 trụ keo và một số cây trồng khác trồng rải rác như bơ, sầu riêng, chanh, chuối ... Tổng giá trị là 605.000.000 đồng (*sáu trăm lẻ năm triệu đồng*).

[3]. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị V phải chịu số tiền 2.000.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà Nguyễn Thị Thùy L được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp sau khi thu được của bà Nguyễn Thị V.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 30.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0006572 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị V phải chịu 30.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2023/0006645 ngày 16/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Văn Công Dân